

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày 20-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Chân Hưng

Ông Đỗ Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 6 năm 2024 và 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2023/TLST-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng góp vốn kinh doanh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 02 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 43/2024/TB-TA ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số B, H, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị P, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ D, khu B Hồ N, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Giấy ủy quyền số công chứng 3993/GUQ/2024 ngày 19/3/2024 tại Văn phòng công chứng Đất Cảng); có mặt

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ trụ sở: Mô Vịnh Đ, tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Anh V - Luật sư, Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T: Ông Nguyễn Anh V - Luật sư, Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Văn phòng C1; địa chỉ: Số B H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 10 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 09/6/2021, tại Văn phòng C1; địa chỉ: Số B H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng, bà Nguyễn Thị L và Công ty cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Công ty), địa chỉ: Mô Vịnh Đ, tổ B (nay là tổ A), thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng do ông Nguyễn Minh T là Chủ tịch HĐQT làm đại diện có ký Hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) số công chứng 10079/HĐGV/2021, Quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD với số vốn góp 3.300.000.000 (Ba tỷ, ba trăm triệu) đồng; thời hạn góp vốn là 05 năm; lợi nhuận được tính tương ứng với 40% lợi nhuận của Nhà hàng LePont Bungalow và 25% lợi nhuận của khu du lịch H, Trung tâm G.

Về số tiền góp vốn hai bên chuyển tiền mặt cho nhau và có giấy biên nhận tiền vào ngày 09/6/2021. Sau khi ký kết Hợp đồng và nhận tiền, ông Nguyễn Minh T không thực hiện việc công khai tài chính, phân chia lợi nhuận, không thực hiện thủ tục góp vốn vào doanh nghiệp để đăng ký cổ đông cho bà L, có dấu hiệu sử dụng vốn góp không đúng mục đích do đó bà L khởi kiện yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu ông T trả lại tiền đã góp là 3,3 tỷ đồng. Về số tiền lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng, tại phiên hòa giải lần 2 ngày 28/02/2024, bà L không yêu cầu ông T phải trả vì thông cảm với điều kiện khó khăn của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, giữ nguyên lời khai của nguyên đơn và bổ sung nội dung: Hợp đồng giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty K tuân thủ quy định của pháp luật về mặt hình thức. Về nội dung hợp đồng, hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản trong hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Sau khi ký kết, nhận tiền Công ty đã vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Bên cạnh đó, sau khi khởi kiện nguyên đơn mới biết ông T không được ủy quyền của Công ty, Điều lệ Công ty cũng không cho phép ông T được ký hợp đồng góp vốn với bà L, sau khi nhận tiền ông T không đưa vào sổ sách kế toán, nguyên đơn cũng không biết Công ty hay cá nhân ông T sử dụng số tiền bà L đã góp nên buộc ông Nguyễn Minh T và Công ty L2 trả lại bà L số tiền 3,3 tỷ đồng và tuyên hợp đồng trên vô hiệu.

* Quá trình giải quyết, ông Nguyễn Minh T đại diện cho bị đơn là Công ty Công ty CP Đ trình bày: Do cần vốn đầu tư làm ăn, ông đã vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị L từ năm 2018. Việc vay mượn hai bên có thiết lập thành văn bản với thời hạn thường là 01 năm. Khi kết thúc thời hạn, hai bên chốt lại số tiền còn nợ và thiết lập văn bản vay mượn tiền mới. Trong quá trình vay mượn do dịch bệnh C - 19 ông

không trả được gốc và lãi nên, số tiền lãi bị cộng dồn thành 5.300.000.000 đồng. Bà **L** yêu cầu ông ký hai hợp đồng trong đó hợp đồng góp vốn vào **công ty Cổ phần Đ** là 3.300.000.000 đồng. Nay trước yêu cầu của bà **L**, ông cho rằng đã trả tổng số tiền hơn 3 tỷ đồng tiền lãi nên với yêu cầu này ông chỉ chấp nhận trả thêm 1.000.000.000 (*một tỷ*) đồng, thời hạn trả là trong tháng 7 năm 2024. Ông **T** cũng mong muốn bà **L** hỗ trợ do hiện tại ông đang rất khó khăn.

Về thẩm quyền ký hợp đồng, tại phiên tòa ngày 11/6/2024, ông **T** khai với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị Điều lệ Công ty quy định ông có thẩm quyền ký hợp đồng, ông cũng có Giấy ủy quyền của các cổ đông ủy quyền cho ông ký hợp đồng với bà **L** (do năm 2022 **nhà hàng L3** bị cháy toàn bộ giấy tờ, sổ sách nên ông không có để giao nộp, ông có thể yêu cầu các cổ đông lập lại giấy ủy quyền). Tuy nhiên về bản chất Hợp đồng trên là do ông bị bà **L** ép buộc, khoản tiền góp vốn trong hợp đồng thực chất là quan hệ cá nhân giữa bà **L** và ông **T**, không liên quan đến Công ty, việc vay mượn giữa hai bên giai đoạn trước khi ký hợp đồng do giấy tờ sổ sách bà **L** đã hủy nên ông không có căn cứ đối trừ. Về Ủy quyền của các cổ đông khác cho ông được ký hợp đồng góp vốn với bà **L** đến phiên tòa ngày 20/8/2024, ông **T** không xuất trình được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi lời khai, ghi nhận ý kiến của các cổ đông của Công ty là các ông **Bạch Thế T1**, **Lê Quang H**, **Hoàng Tuấn D** thể hiện Công ty có 04 cổ đông trong đó có ông **Nguyễn Minh T**. Thời điểm ông **T** ký hợp đồng góp vốn với bà **L** các cổ đông và Công ty không biết, cũng không có văn bản ủy quyền cho ông **T** ký hợp đồng và sau khi ký hợp đồng số tiền 3,3 tỷ đồng ông **T** không nhập vào sổ sách Công ty, việc ông **T** sử dụng vào việc gì các cổ đông không biết.

Thu thập tài liệu, chứng cứ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng về hồ sơ doanh nghiệp đối với Công ty không thể hiện việc tăng vốn doanh nghiệp hay thay đổi, bổ sung cổ đông sau thời điểm hai bên ký kết Hợp đồng. Tại thời điểm Tòa án thu thập, **Sở K1** không cung cấp Điều lệ của Công ty. Tại phiên tòa ngày 11/6/2024, sau khi ghi nhận ý kiến của các bên đương sự có mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập Điều lệ của Công ty tại **Sở K1** và đã được cung cấp bản dự thảo Điều lệ của Công ty, sau khi xem xét Điều lệ không thể hiện việc Chủ tịch Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết Hợp đồng trên.

Thu thập tài liệu, chứng cứ tại **Chi cục thuế huyện C** thể hiện sau thời điểm ngày 09/6/2021, Công ty không hạch toán vào sổ sách, báo cáo tài chính của Công ty đối với số tiền 3,3 tỷ đồng.

Xem xét Hồ sơ doanh nghiệp thể hiện Công ty có vốn điều lệ 9.000.000.000 (*chín tỷ*) đồng; với số vốn góp 3.3 tỷ đồng chiếm khoảng 36.66% vốn doanh nghiệp. Đối chiếu với quy định của Luật doanh nghiệp với tỷ lệ vốn góp vượt quá 35% vốn doanh nghiệp là vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi ký kết giao dịch dân sự với chủ thể khác.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp; những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đồng thời đã thực hiện đầy đủ, các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét Hợp đồng góp vốn các bên ký kết đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về hình thức. Về nội dung của hợp đồng, ông Nguyễn Minh T với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty CP Đ ký kết hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh với bà Nguyễn Thị L khi chưa có Nghị quyết của Hội đồng quản trị, văn bản đồng ý của các cổ đông, số tiền ký kết vượt quá 35% vốn Điều lệ của doanh nghiệp là vượt quá thẩm quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp nên việc ông T tham gia ký kết hợp đồng đã vi phạm điều cấm của luật do vậy Hợp đồng bị vô hiệu theo quy định của Điều 123 của Bộ luật Dân sự. Về giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Ông Nguyễn Minh T đã nhận tiền nhưng không nhập vào sổ sách kế toán công ty, không thực hiện các thủ tục góp vốn theo quy định của Luật doanh nghiệp, việc giao nhận tiền mới chỉ dừng lại giữa ông T và bà L nên ông T phải có trách nhiệm trả lại bà L số tiền đã nhận là 3,3 tỷ đồng. Do hợp đồng vô hiệu nên đối với yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí kinh doanh thương mại không giá ngạch. Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; bị đơn Công ty CP Đ có địa chỉ trụ sở trên địa bàn huyện C. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc thay đổi, chấm dứt, bổ sung người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vì lý do công tác thực hiện trong thời gian phiên tòa tạm ngừng; trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn 03 lần thay đổi người đại diện theo ủy quyền và trong thời gian phiên tòa tạm ngừng nguyên đơn chấm dứt mời Người bảo vệ quyền,

lợi ích hợp pháp đối với ông **Tạ Ngọc B** – Luật sư, **Công ty L4**, **Đoàn Luật sư Thành phố H**; trong thời gian tạm ngừng phiên tòa Hội đồng xét xử bổ sung ông **Nguyễn Minh T** tham gia tố tụng với tư cách Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những thay đổi, chấm dứt, bổ sung trên là phù hợp với các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (**Văn phòng C1**): Nguyên đơn quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có ý kiến bằng văn bản thể hiện quan điểm có liên quan đến vụ án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên theo quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông **Nguyễn Minh T**) tại phiên tòa ngày 11/6/2024 có mặt đến phiên tòa ngày 20/8/2024 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh số công chứng 10079/HĐVT/2021, Quyết số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/6/2021 được ký kết giữa bà **Nguyễn Thị L** và **Công ty CP Đ** do hai bên ký kết tự nguyện, tuân thủ quy định của pháp luật về hình thức. Xét về nội dung của Hợp đồng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, qua lời khai của bị đơn, các cổ đông của Công ty, Điều lệ và các tài liệu, chứng cứ thu thập thể hiện Công ty không có Nghị quyết hoặc các cổ đông không có văn bản ủy quyền cho ông **Nguyễn Minh T** huy động vốn hay phát hành cổ phiếu, chuyển nhượng cổ phần cho người khác. Số tiền góp 3,3 tỷ đồng tương đương với 36,66% vốn điều lệ của Công ty nên ông **Vũ Minh T2** với tư cách Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng là vượt quá thẩm quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp. Theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật Dân sự, việc ông **Nguyễn Minh T**, chủ thể ký kết giao dịch dân sự khi các quy định của pháp luật không cho phép là vi phạm điều cấm của luật vì vậy Hợp đồng trên bị vô hiệu.

Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Việc góp vốn giữa bà **Nguyễn Thị L** và **Công ty M** chỉ dừng lại ở việc ký kết hợp đồng và giao nhận tiền giữa bà **Nguyễn Thị L** và ông **Nguyễn Minh T** nên các bên hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận mà không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên, do vậy ông **Nguyễn Minh T** phải trả lại số tiền đã ký nhận là 3.300.000.000 (*Ba tỷ, ba trăm triệu*) đồng cho bà **L** là đúng quy định theo Điều 131 của Bộ luật Dân sự. Về xác định lỗi để bồi thường: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu ông **T** trả lãi theo Hợp đồng vì hoàn cảnh hiện tại của ông **T** khó khăn vì vậy cần ghi nhận quan điểm này để không xác định việc bồi thường khi hợp đồng vô hiệu. Đối với yêu cầu của bà **L** đơn phương chấm dứt hợp đồng do quyền lợi bị vi phạm tuy nhiên do hợp đồng bị vô hiệu nên yêu cầu này không được chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty có trách liên đới đối với số tiền 3,3 tỷ đồng trả cho ông T do Hợp đồng vô hiệu nên các bên trong giao dịch dân sự trả lại cho nhau những gì đã nhận, ông T là người nhận tiền phải có trách nhiệm trả lại cho bà L vì vậy không xem xét trách nhiệm đối với Công ty là phù hợp.

[7] Đối với kiến nghị của nguyên đơn về xem xét trách nhiệm của Công ty do không cập nhật số tiền phát sinh vào sổ kế toán và xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông T về hành vi lừa dối và sử dụng trái phép tài sản của người khác, không thuộc yêu cầu khởi kiện của vụ án nên không xem xét.

[8] Đối với ý kiến của ông Nguyễn Minh T về việc từ năm 2018 ông và bà Nguyễn Thị L đã có giao dịch vay tiền có trả lãi, quá trình thực hiện do dịch bệnh Covid ông không trả được lãi nên bà L đã cộng dồn cả gốc và lãi và yêu cầu ông thiết lập hợp đồng góp vốn trên nhưng quá trình giải quyết vụ án không đưa ra chứng cứ tài liệu thể hiện có sự liên quan do vậy nếu sau này nếu có căn cứ chứng minh ông có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[9] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại không có giá ngạch do hợp đồng vô hiệu; ông Nguyễn Minh T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí với số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 122, 123, 131, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các điều 13, 34, 111, 156, 167 của Luật doanh nghiệp 2020;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Q.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng.

2. Tuyên Hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh, số công chứng 10079/HĐVT/2021, Quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/6/2021 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty Cổ phần Đ là vô hiệu.

- Buộc ông Nguyễn Minh T phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là: 3.300.000.000 (Ba tỷ, ba trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn xin thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của khoản tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị L** phải chịu 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để nộp vào Ngân sách nhà nước, bà **L** đã nộp tạm ứng án phí 49.000.000 (*bốn mươi chín triệu*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009877 ngày 14/12/2022, trả lại cho bà **L** số tiền chênh lệch 46.000.000 (*bốn mươi sáu triệu*) đồng. Ông **Nguyễn Minh T** phải chịu 98.000.000 (*chín mươi tám triệu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần có liên quan của bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cát Hải;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hưng